



BẢN TIN THAN NGÀY

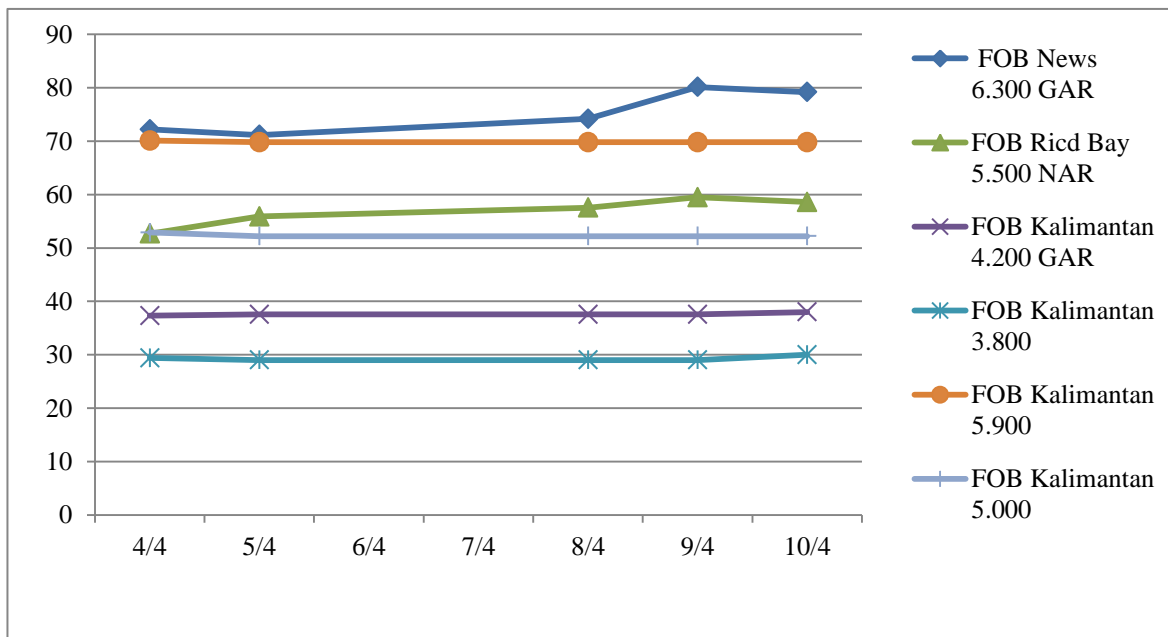
Ngày 18/4/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	79,20	-0,95	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	85,60	N/A	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	58,60	-0,90	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	69,80	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	52,20	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	44,50	+0,40	297,76	+2,96
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	58,75	-0,25	393,11	-1,30
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	65,00	-0,80	434,93	-4,93

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/4/2019)

ĐIỂM TIN

Stanmore Coal, Australia nâng sản lượng trong kế hoạch của năm tài chính 2018-2019 lên 2,3 triệu tấn

Stanmore Coal, Australia đã nâng sản lượng mục tiêu của năm tài chính (từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019) sau khi đạt sản lượng kỉ lục trong quý vừa qua (từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2019), theo thông báo chính thức từ công ty ngày 9/4. Sản lượng than thương phẩm trong giai đoạn này đạt 691.000 tấn, tăng 129% so với cùng kỳ năm trước và 8% so giai đoạn tháng 10 - tháng 12 năm 2018 (ghi nhận mức kỉ lục). Sản lượng trong kế hoạch hiện tại đã được nâng lên mức 2,3 triệu tấn từ 2,15 triệu tấn nhờ việc sản xuất không bị ảnh hưởng nhiều từ thời tiết ẩm ướt kết hợp với hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất. Hồi đầu năm nay, Stanmore đã nâng chỉ tiêu sản lượng từ 2 triệu tấn (trước đó đã nâng từ 1,8 triệu tấn).

Lượng than bán ra trong quý vừa qua đạt 740.000 tấn, cao hơn cả mức kỉ lục tháng 10-12. Giá trung bình đạt 130 USD/tấn, trong đó 719.000 tấn là than cốc mềm được bán với giá 132 USD/tấn và 21.000 tấn than nhiệt được bán với giá 84 USD/tấn. Stanmore sản xuất than từ khu tổ hợp Isaac Plains tại Queensland và vận chuyển than thông qua Dalrymple Bay Coal Terminal. Trong quý, hoạt động sản xuất tại mỏ chính Isaac Plains đã phải tạm ngừng, trong khi khu Đông Isaac Plains mở rộng hiện có 3 hầm đang hoạt động, sản xuất 100% than cốc với năng suất trên 80%.

Lượng than nhiệt dự trữ của Ấn Độ tiếp tục tăng cao dù lượng than tiêu thụ tăng

Lượng than nhiệt dự trữ tại các NMNĐ Ấn Độ tiếp tục tăng, đạt 30,9 triệu tấn tính đến ngày thứ 4 (3/4), theo dữ liệu phát hành hôm thứ 6 (5/4) bởi Trung tâm Điện lực Quốc gia Ấn Độ (CEA). Đây là mức dự trữ than cao nhất kể từ tháng 7 năm 2016 và gần gấp đôi so với tháng 12 năm 2018. Con số này cũng cao hơn 1,9% so với cùng thời điểm tuần trước đó và 16,6% so với tháng 3, đủ để sử dụng trong vòng 18 ngày.

Lượng than nhập khẩu dự trữ không thay đổi nhiều và đạt 937.000 tấn tính đến thứ 4 (3/4), tăng nhẹ so với 922.000 tấn trong một tuần trước đó. Mặc dù lượng than dự trữ tăng cao có thể bắt nguồn từ việc các NMNĐ giảm tiêu thụ than, sản lượng nhiệt điện trong tháng 3 đã đạt 87.875 MW, tăng 16,4% so với tháng 2, mức cao nhất kể từ tháng 5/2018, theo dữ liệu mới nhất của CEA. Đầu tuần này, Coal India đã công bố tổng lượng than sản xuất trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/3 đạt 607 triệu tấn, tăng 7% so với năm trước đó, trong khi lượng than cung ứng cho lĩnh vực năng lượng đạt 488 triệu tấn, cao hơn 7,4% so với năm trước. Coal India cho biết: “Khối lượng than sản xuất trong năm vừa qua đã tăng 39,5 triệu tấn so với 567,37 triệu tấn năm trước đó”.

Chỉ còn một tàu chờ làm hàng tại hai bến cảng của PWCS trong ngày 7/4

Hai bến cảng thuộc sở hữu của Port Waratah Coal Services tại cảng Newcastle, New South Wales, Australia chỉ còn một tàu chờ làm hàng tính đến Chủ nhật (7/4), giảm từ năm tàu một tuần trước đó, theo thông tin từ Cảng vận Hunter Valley (HVCCC) trong thứ 2 (8/4). Số lượng tàu chờ dự kiến sẽ luôn thấp hơn năm tàu tính đến cuối tháng 4, theo cảng vận Hunter Valley. Tổng cộng 1,85 triệu tấn than đã được vận chuyển từ các bến cảng của PWCS trong tuần tính đến Chủ nhật (7/4), tăng 145.000 tấn so với một tuần trước. Lượng than xuất khẩu từ đầu tháng đến ngày 7/4 đạt 1,85 triệu tấn. Khoảng 1,3 triệu tấn than đã được vận chuyển từ các bến cảng của Newcastle Coal Infrastructure Group tính đến tuần trước, S&P Global Platts cho biết.

Các công ty sản xuất than dự kiến khối lượng than được vận chuyển trong tháng 4 từ các bến cảng của PWCS sẽ đạt 7,8 triệu tấn, và lên mức 10,1 triệu tấn trong tháng 5. Khối lượng than vận chuyển qua các tuyến đường sắt Newcastle trong tuần cuối tháng 3 đạt 3,1 triệu tấn, tăng 215.000 tấn so với một tuần trước đó, cảng vận cho biết. Hai bến cảng Carrington và Kooragang của cảng Waratah có lượng than dự trữ đạt 1,9 triệu tấn sẵn sàng để xuất khẩu, tính đến Chủ nhật (7/4), tăng 258.000 tấn so với một tuần trước đó. Tại cảng Gladstone thuộc bang Queensland lân cận đã có 13 tàu chờ làm hàng tính đến thứ 2, trong đó có bốn tàu chờ làm hàng tại bến cảng RG Tanna tính đến thứ 2 (8/4), cảng vận Gladstone cho biết.

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,05	+0,10
	Queensland	Nhật Bản	6,65	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	7,50	+0,15
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	11,90	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	6,15	-0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	11,90	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,15	-0,10
	Australia	Trung Quốc	10,55	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,90	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 10/04/2019)